

Số: 08/2022/QĐST - HNGĐ

Kim Động, ngày 04 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HUNG YÊN**

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa pH họp: Ông Lê Quốc Huy - Thẩm phán.
- Thư ký pH họp: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 04/ 3/ 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KĐ mở phiên họp công khai, giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/TLST-VDS ngày 19/01/2022 về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp số 01/2022/QĐST-VDS ngày 18/02/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: chị Trần Thị H, sinh năm 1999; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CK, xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Nơi ở hiện nay: thôn BH, xã NL, huyện NT, tỉnh Nam Định.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lưu Đức H1, sinh năm 1994; Trú tại: Thôn CK, xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

- Cháu Lưu GH, sinh ngày 19/02/2017 hiện nay đang ở với bố. Người đại diện hợp pháp của cháu GH: Anh Lưu Đức H1 và chị Trần Thị H.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Tại đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và lời khai của chị Trần Thị H thể hiện: Chị Trần Thị H, sinh ngày 14/11/1999 và anh Lưu Đức H1, sinh năm 1994 là hai người khác địa phương, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PNL ngày 19/7/2016 và tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương. Chị H khai tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H mới 16 tuổi 8 tháng 10 ngày, nhưng chị đã khai sinh ngày 14/4/1998 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị H về chung sống với anh H1 tại xã PNL, huyện KĐ. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do trước khi kết hôn anh chị chưa tìm hiểu kỹ nên khi về chung sống mới nảy sinh nhiều bất đồng,

vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 anh chị đã sống ly thân nhau, không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh H1 để giải phóng cho nhau. Đồng thời, chị H xuất trình cho Tòa án Giấy khai sinh (bản sao), Căn cước công dân (bản sao), Sổ hộ khẩu (bản sao) đều thể hiện chị H sinh ngày 14/11/1999.

Anh H1 cũng xác định anh và chị H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã PNL ngày 19/7/2016 như chị H trình bày là đúng. Chị H sinh ngày 14/11/1999, nhưng khi đăng ký kết hôn chị H đã khai sinh ngày 14/4/1998 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Anh H1 cũng xác nhận thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân như chị H trình bày là đúng. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, anh nhất trí đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị H.

Về con chung: Chị H và anh H1 đều xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lưu GH, sinh ngày 19/02/2017. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh H1. Trường hợp vợ chồng chấm dứt quan hệ hôn nhân, anh chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cho anh H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến tuổi thành niên, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom con chung.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

UBND xã PNL cung cấp: Chị Trần Thị H và anh Lưu Đức H1 đăng ký kết hôn tại UBND xã ngày 19/7/2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H xuất trình Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 35/UBND/XN TTHN của UBND xã NL, huyện NT, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/7/2016 có nội dung: Trần Thị H, sinh ngày 14/4/1998, nơi cư trú: Xã NL, huyện NT, tỉnh Nam Định, hiện tại chưa đăng ký kết hôn với ai lần nào, xin đăng ký với anh Lưu Đức H1, sinh năm 1994, có hộ khẩu thường trú tại: xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ vào Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy khai đăng ký kết hôn, Sổ hộ khẩu gia đình của chị H xác định chị H đủ tuổi kết hôn nên UBND xã đã tiến hành đăng ký kết hôn cho chị Trần Thị H và anh Lưu Đức H1 ngày 19/7/2016 là đúng quy định của pháp luật. Nay chị H xuất trình tài liệu chứng minh chị H sinh ngày 14/11/1999 và đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật, quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp:

Chị H và anh H1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về giải quyết việc dân sự. Đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2

Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, khoản 1 Điều 10, Điều 11, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H về việc hủy kết hôn trái pháp luật. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh H1, giao cháu Lưu GH, sinh ngày 19/02/2017 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chị H và H1 không phải xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại p. phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Động nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu và các liệu, chứng cứ đã thu thập được, có cơ sở xác định yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên họp người yêu cầu chị Trần Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu Đức H1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2016 ngày 19/7/2016 của UBND xã PNL, huyện KĐ cấp cho chị Trần Thị H và anh Lưu Đức H1 thể hiện, chị Trần Thị H, sinh ngày 14/4/1998 và anh Lưu Đức H1, sinh ngày 18/8/1994. Tại thời điểm đăng ký kết hôn UBND xã PNL căn cứ vào Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 35/UBND/XN TTHN của UBND xã NL, huyện NT, tỉnh Nam Định cấp ngày 11/7/2016 thể hiện chị Trần Thị H, sinh ngày 14/4/1998 là đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, căn cứ Giấy khai sinh cấp ngày 26/3/2003 và Căn cước công dân số 036199014104 cấp ngày 14/6/2021 do chị H xuất trình đều thể hiện chị Trần Thị H, sinh ngày 14/11/1999. Các tài liệu trên là bản chính giấy tờ hộ tịch xác nhận về ngày tháng năm sinh của một người nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Chị H khai thời điểm đăng ký kết hôn chị đã khai tăng thêm tuổi để đủ tuổi kết hôn. Đối chiếu ngày tháng năm đăng ký kết hôn là ngày 19/6/2016 với ngày tháng năm sinh của chị H trong giấy khai sinh là ngày 14/11/1999 thì chị H mới 16 tuổi 08 tháng 10 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về điều kiện kết hôn: “Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, Nữ từ đủ 18 tuổi trở lên”. Sau khi kết hôn chị H và anh H1 chỉ chung sống

hòa thuận một thời gian ngắn, đến giữa năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cuối năm 2020 ly thân. Đến nay chị H có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, quan điểm của anh H1 cũng nhất trí với yêu cầu của chị H. Căn cứ Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh H1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu Lưu GH, sinh ngày 19/02/2017, hiện nay cháu G.H đang ở cùng với anh H1. Chị H và anh H1 thỏa thuận, anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi cháu G.H thành niên, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng có quyền thăm nom con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình quy định thì quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ, con được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn. Vì vậy, thỏa thuận của chị H và anh H1 về việc nuôi dưỡng con chung là tự nguyện, đảm bảo quyền, lợi ích của con chung và phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản, công nợ: Chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị H phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[8] Kiến nghị UBND xã NL, huyện NT, tỉnh Nam Định và UBND xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên trong quá trình thẩm định, cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn phải tiến hành đối chiếu với bản chính của các giấy tờ hộ tịch của người đề nghị đăng ký kết hôn để tránh xảy ra các trường hợp đăng ký kết hôn cho những người chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2, 3 Điều 367, Điều 369, Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự. khoản 6 Điều 3, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị H và anh Lưu Đức H1, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2016 ngày 19/7/2016 của Ủy ban nhân dân xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên.

2. Con chung: Chị Trần Thị H và anh Lưu Đức H1 có 01 con chung là cháu Lưu GH, sinh ngày 19/02/2017, hiện nay cháu Huy đang ở cùng với anh H1. Ghi

nhận sự thỏa thuận của chị H và anh H1 về việc nuôi dưỡng con chung như sau: anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu GH thành niên, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản, công nợ: Chị H và anh H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002557 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ tiền lệ phí.

5. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện KĐ;
- UBND xã PNL;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lê Quốc Huy**